

Tập 184

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang thứ ba trăm tám mươi ba, hãy xem đoạn thứ hai trong sách Diễn Nghĩa.

Chúng tôi tiếp tục giải thích tâm ý thức. “*Tập khởi danh Tâm, trừ lượng danh Ý, liễu biệt danh Thức*” (Tập khởi là Tâm, trừ tính, suy lường là Ý, hiểu rõ, phân biệt là Thức), Pháp Tướng Tông nói như vậy. Tám thức đều có công năng “tập khởi, trừ lượng, liễu biệt”; trong ba thức công năng ấy, hề công năng nào đặc biệt mạnh nhất, ta bèn gọi nó là Tâm, hay gọi là Ý, hay gọi nó là Thức. Công năng tập khởi thù thắng nhất là A Lại Da Thức, trừ lượng thù thắng nhất là thức thứ bảy.

(Diễn) Hựu Ý giả, tức đệ thất thức. Trừ lượng giả, tư duy trừ lượng, đệ bát Kiến Phần thị Ngã cố dã. Thử chánh thủ đệ thất Tâm Vương tự thể tư lượng danh Ý, diệt kiêm thủ Biến Hành ngũ sở trung Tư dã.

(演)又意者，即第七識。籌量者，思惟籌量，第八見分是我故也。此正取第七心王自體思量名意，亦兼取遍行五所中思也。

(Diễn: Lại nữa, Ý là thức thứ bảy. Trừ lượng là suy nghĩ, toan tính, so lường, Kiến Phần thứ tám là Ngã vậy. Đây là chủ yếu dựa trên [đặc tánh] tự thể suy nghĩ, so lường của Tâm Vương thứ bảy mà gọi là Ý, cũng lấy kèm thêm [ý nghĩa của] Tư [Tâm Sở] trong năm món Tâm Sở thuộc loại Biến Hành).

Đại Thừa Phật pháp thường nói tới Ngã Chấp. Ngã Chấp có hai loại: Một loại là Nhân Ngã Chấp, loại kia là Pháp Ngã Chấp. Hai thứ Ngã Chấp này đều có cội nguồn từ thức thứ bảy. Vì thế, trong tu hành, cổ đức đã nói một nguyên tắc, nguyên tắc này rất trọng yếu: “*Thính giáo phải tiêu quy tự tánh*”, “*thính giáo*” là nghe giảng kinh. Nếu có thể tiêu quy tự tánh, đó là thật sự nghe, cũng là như chúng tôi thường nói: Dùng Phật pháp để khai phát trí huệ và quang minh trong tự tánh của chúng ta, đó gọi là “*tiêu quy tự tánh*”. Trong bộ chú giải này, cuối mỗi đoạn, Liên Trì đại sư đều có phần Xưng Lý. Xưng Lý là tiêu quy tự tánh: “*Tu hành phải chuyển Thức thành Trí*”. Chuyển thức, mà “thức” có tám thức. Chuyển tám thức thành bốn trí, đó gọi là tu hành. Liễu Phàm Tứ Huấn dạy chúng ta nguyên tắc sửa lỗi tu thiện. Sửa lỗi tối thượng thừa là sửa từ trong tâm, kể đến là sửa

từ nơi Lý, thấp nhất là sửa từ nơi Sự. Tu hành mà nói “*chuyển Thức thành Trí*” thì là tu nơi tâm địa, là cách tu học tối thượng thừa, là chuyển thức thành trí.

Đối với Thức, chúng ta hiểu ý nghĩa thật sự của nó, cách chuyển như thế nào? Đây là một môn học mà người tu hành trong hiện tại phải biết. Trong Lăng Nghiêm Kinh Chánh Mạch Sớ, Giao Quang đại sư đã đề xướng “*bỏ Thức dùng Căn*”, bỏ Thức dùng Căn là chuyển Thức thành Trí. Trong tám thức, chỉ có hai thức được chuyển trong khi tu nhân, sáu thức kia chuyển nơi quả địa. Nói cách khác, thật sự dụng công là dụng công nơi thức thứ sáu và thức thứ bảy. Thức thứ sáu và thức thứ bảy được chuyển trong khi tu nhân. Hễ nhân đã chuyển, quả liền chuyển theo. A Lại Da Thức và năm thức trước tự nhiên liền chuyển. Thức thứ bảy là tư duy, trừ tính, suy lường, thức thứ sáu khéo phân biệt, nên chúng tôi thường nói: “*Chẳng phân biệt, không chấp trước*”, đó là chuyển. Chẳng phân biệt liền chuyển thức thứ sáu, tức ý thức, thành Diệu Quán Sát Trí. Không chấp trước liền chuyển Mạt Na Thức thành Bình Đẳng Tánh Trí. Hiện thời, người thế gian chúng ta bất bình đẳng, vì sao bất bình đẳng? Mỗi người đều có chấp trước, hễ chấp trước, sẽ chẳng bình đẳng. Nếu bỏ sạch tất cả hết thấy chấp trước, sẽ bình đẳng; bỏ hết thấy phân biệt, diệu huệ liền hiện tiền. Biết tu hành là ở nơi dụng công, đối với hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian chẳng phân biệt, không chấp trước. Trong các buổi giảng, chúng tôi cũng thường nhắc nhở đồng tu hãy tự khích lệ chính mình, vì sao phải làm như vậy? Hiện thời, từ đoạn kinh văn này chúng ta thấy: Đó là chuyển Thức thành Trí. Phân biệt và chấp trước là hư vọng, tuyệt đối chẳng phải là chân thật, nên đức Phật mới bảo chúng ta vứt bỏ. Nếu là chân thật, đức Phật quyết định sẽ chẳng bảo chúng ta vứt bỏ, [vứt bỏ là vì chúng] là giả, chẳng thật!

Hết thấy chúng sanh chấp trước Ngã, Ngã là gì? Thân là Ngã. Đức Phật bảo chúng ta vô ngã, Vô Ngã là dạy chúng ta “*thân chẳng phải là Ngã*”. Ngã ở chỗ nào? Thân chẳng phải là Ngã, mọi người nghe xong, sợ hãi, học Phật đến cuối cùng Ngã cũng chẳng có, khiếp quá! Nếu Ngã chẳng có, ai thành Phật? Do vậy, thành Phật, ta thành Phật, có thành Phật hay không? Chẳng thành! Vì quý vị có Ngã Chấp, làm sao có thể thành Phật cho được? Đừng nói là chẳng thành Phật được, mà A La Hán cũng chẳng thành, vì A La Hán đã phá Ngã Chấp. Kinh Kim Cang nói Tu Đà Hoàn chẳng có Ngã Chấp, điều này đáng cho chúng ta phản tỉnh rất sâu.

“Tư duy trừ lường, đệ bát Kiến Phần thị Ngã cố dã. Thử chánh thủ đệ thất Tâm Vương tự thể tư lường danh Ý, diệc kiêm thủ Biến Hành Ngũ

Sở trung Tư dã” (Tư duy trừ lượng, Kiến Phần thứ tám là Ngã. Đây chính là chủ yếu dựa trên đặc tánh tự thể suy lường của Tâm Vương thứ bảy mà gọi là Ý, cũng như kèm thêm [ý nghĩa của] Tư Tâm Sở trong năm món Tâm Sở thuộc loại Biến Hành). Nếu quý vị chẳng từng đọc Bách Pháp, chẳng có cơ sở Duy Thức, đọc đoạn văn này sẽ chẳng dễ gì hiểu được! Thức thứ tám và Chân Như bản tánh là một Thể, bảy thức trước hoàn toàn là hư vọng. Nói theo cách hiện thời, sẽ là “cảm nhận sai lầm”, [bảy thức trước] sanh từ cảm nhận sai lầm, chẳng chân thật; nhưng A Lại Da Thức là thật. Tuy là thật, nó mê, tuy mê nhưng vẫn là thật, cũng chẳng phải là giả! Các nhà Duy Thức nói A Lại Da Thức là nửa thật, nửa giả, [bởi lẽ], Thể là thật, nhưng tác dụng của nó là mê. Do mê, nên mới khởi lên bảy thức trước. Trong A Lại Da Thức có ba tế tướng. Tướng thứ nhất trong ba tế tướng là Vô Minh Nghiệp Tướng, nghiệp là động. Nói cách khác, tâm động là mê. Kinh luận của tông Duy Thức thường nói: “*Một niệm bất giác bèn có vô minh*”. Bất giác là tâm đã động, giác tánh mất đi, công năng giác bị mất đi, liền biến thành bất giác. Nghiệp là động tướng, là tướng thứ nhất. Tâm vừa động, bèn khởi tác dụng, khởi tác dụng gì? Có thể thấy tướng. Nay chúng ta gọi “có thể thấy tướng” là tinh thần, hiểu lầm cái “có thể” là chính mình. “Ta có thể”, chấp trước bắt đầu từ chỗ này!

Như vậy thì Thể của ta là gì? [Chính là] Kiến Phần của A Lại Da Thức, Kiến Phần có thể thấy, muốn thấy, [nhưng] trong Chân Như bản tánh chẳng có tướng, thứ gì cũng chẳng có. Chẳng có mà cứ khẳng khẳng muốn thấy, đã muốn thấy, nó sẽ hiện tướng. Ví như trong hư không thứ gì cũng đều chẳng có, quý vị trừng mắt nhìn lên hư không, nhìn hồi lâu trong không trung sẽ hiện tướng (các đốm sáng chao lượn), vì sao hiện tướng? Do mắt mỏi mệt, liền có thể hiện ra huyền tướng. Kiến Phần của quý vị muốn thấy, muốn thấy quá mức, nên A Lại Da Thức mỏi mệt, liền hiện Tướng Phần, nay chúng ta gọi Tướng Phần là vật chất.

Hết thấy sấm la vạn tượng từ đâu mà có? Do Kiến Phần biến hiện. Cảnh do tâm biến hiện, [nói cách khác] vật chất do tinh thần biến hiện. Tâm và vật chất đích xác là cùng một cội nguồn. Cội nguồn ấy, nói nông cạn là A Lại Da Thức, nói sâu xa sẽ là Chân Như bản tánh. Ở đây, chỗ khác nhau là: Tướng được thấy bởi các phàm phu chính là Tướng Phần của A Lại Da Thức, còn Tây Phương Cực Lạc thế giới là Tướng Phần của Chân Như bản tánh, nên cõi ấy là Pháp Tánh Độ. Trong Pháp Tánh Độ, Sự Sự vô ngại. Chúng ta đọc kinh Vô Lượng Thọ, hoặc là đọc Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, quý vị thấy chư Phật, Bồ Tát, đích xác là Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, vì sao? Đó là Pháp Tánh Độ, là Tướng Phần của Chân Như

bản tánh, cũng có nghĩa là Tướng Phần của A Lại Da Thức khi nó hoàn toàn giác chứ không mê. Nay chúng ta mê mà chẳng giác, tuy hiện Tướng Phần, nhưng chẳng được tự tại trong Tướng Phần ấy, chẳng thể xứng tâm như ý, nguyên nhân là ở chỗ này!

Cớ sao sanh ra Ngã? Vì năng kiến (Kiến Phần của A Lại Da Thức) nhất định muốn thấy, nên trong A Lại Da Thức mới biến hiện Tướng Phần. Vì vậy, Tướng Phần ấy chẳng phải là thật, hư huyền chẳng thật. Kinh Kim Cang nói rất hay: “*Phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”. Tướng Phần có thể duy trì bao lâu tùy thuộc Kiến Phần của quý vị duy trì được bao lâu. Ngày nào Kiến Phần của quý vị chẳng mong thấy nó, tướng sẽ chẳng còn nữa. Thức thứ bảy luôn suy xét, cân nhắc, Ngã Chấp sẽ không gián đoạn. Khi ngủ, Ngã cũng chẳng đoạn; thậm chí đã chết, chấp trước về Ngã vẫn chẳng đoạn. Nếu đã đoạn trừ, sẽ chẳng đầu thai, chẳng luân hồi trong lục đạo. Do Ngã Chấp quá kiên cố, vĩnh viễn không chịu bỏ, nên người ta mới phải luân hồi trong lục đạo.

“*Chánh thủ đệ thất Tâm Vương tự thể tư lượng vi Ý*” [nghĩa là] Mạt Na Thức có ý nghĩa chánh yếu là luôn suy xét, cân nhắc. “*Diệc kiêm thủ Biến Hành ngũ sở trung Tư dã*”, [nghĩa là] còn kèm thêm Tư Tâm Sở trong năm thứ Biến Hành. Trong năm mươi một Tâm Sở, có năm Tâm Sở [được xếp vào loại] Biến Hành¹. Năm Biến Hành chính là năm thứ tác dụng tâm lý mà tám thức đều có, nên chúng được gọi là Biến Hành Tâm Sở, có tất cả năm thứ. Trong năm thứ ấy có Tư. Tư lại đặc biệt tương ứng với chuyện luôn suy xét, cân nhắc, cho nên Ý kiêm thêm Tư Tâm Sở trong năm Biến Hành.

(Diễn) Ý thức vị ý chi thức, tức đệ lục thức dã.

(演)意識謂意之識，即第六識也。

(Diễn: Ý thức là nói thức của ý, tức thức thứ sáu).

“Ý” [được nói trong câu này] là Mạt Na, Mạt Na là Ý Căn (thức thứ bảy). Thức thứ sáu, tức ý thức, là do Mạt Na khởi tác dụng, khởi lên tác dụng phân biệt, chúng ta liền gọi nó (tác dụng ấy) là thức thứ sáu. Có thể thấy thức thứ sáu và thức thứ bảy có mối quan hệ hết sức mật thiết.

¹ Năm Tâm Sở thuộc loại biến hành là Tác Ý, Xúc, Thọ, Tưởng, Tư. Biến (遍) có nghĩa là trọn khắp, không đâu chẳng đến, Hành (行) chính là tâm vận hành. Lại còn có bốn ý nghĩa trọn khắp: Trọn khắp hết thấy các pháp thiện ác, trọn khắp hết thấy tam giới cửu địa, trọn khắp hết thấy thời gian dài ngắn, trọn khắp hết thấy các thức.

(Diễn) Luận vân: Ngôn ý thức giả, tức thử Tương Tục Thức, y chư phàm phu thủ trước chuyển thân, kế ngã, ngã sở, chủng chủng vọng chấp, tùy sự ban duyên, phân biệt lục trần, danh vi Ý Thức, diệt danh Phân Ly Thức, hựu phục thuyết danh Phân Biệt Sự Thức, thị dã.

(演)論云：言意識者，即此相續識，依諸凡夫取著轉深，計我我所，種種妄執，隨事扳緣，分別六塵，名為意識，亦名分離識，又復說名分別事識，是也。

(Diễn: Luận viết: “Nói đến ý thức thì chính là Tương Tục Thức, nương theo sự chấp giữ của phàm phu mà chuyển thành sâu đậm. So đo ngã, ngã sở, các thứ chấp trước hư vọng, nắm níu theo sự, phân biệt sáu trần, nên gọi là Ý Thức. Còn gọi là Phân Ly Thức, lại còn nói là Phân Biệt Sự Thức” chính là nói về điều này).

“Luận vân” là theo như Duy Thức Luận² đã nói. Tướng Tông là một môn Tâm Lý Học khá phức tạp. Nếu quý vị đã đọc kinh luận của Tướng Tông, sẽ chẳng còn muốn đọc các tác phẩm về Tâm Lý Học trong ngoài nước nữa! Vì chúng quá ấu trĩ, chẳng đáng xem. Pháp Tướng Tông là Tâm Lý Học Phật pháp, vô cùng cao minh. Bộ sách đơn giản nhất về Pháp Tướng là Tướng Tông Cương Yếu do lão cư sĩ Mai Quang Hy biên soạn, biên soạn hết sức khéo, nội dung hoàn toàn là quy nạp nguyên văn từ kinh luận. Ví như nói đến A Lại Da Thức, cụ sao chép tất cả những điều kinh luận giảng về A Lại Da Thức cùng một chỗ; nói đến Mạt Na, bèn sao chép [những gì kinh điển đã giảng về Mạt Na] vào cùng một chỗ. Quý vị muốn tra cứu kinh luận Pháp Tướng Tông thì kinh luận quá nhiều, chẳng dễ tìm, cụ đã quy nạp các điểm trọng yếu vào một chỗ, nên tra duyệt rất thuận tiện.

Tuy Phật pháp có rất nhiều tông phái, rất nhiều pháp môn, nhưng trong đó, có ba thứ mà mỗi tông, mỗi pháp môn đều phải tu học:

- Thứ nhất là giới luật. Giới luật là khuôn phép sinh hoạt. Các tông phái Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa, chẳng có tông phái nào không tuân thủ giới luật.

² Duy Thức Luận được nói ở đây chính là bộ Thành Duy Thức Luận của ngài Huyền Trang biên soạn nhằm giải thích bộ Duy Thức Tam Thập Tụng (Triṃśikā Vijñaptimātratā) của ngài Thế Thân. Ngài Huyền Trang đã dùng tác phẩm chú giải của ngài Hộ Pháp làm luận điểm chánh yếu và tổng hợp những giáo thuyết của mười đại luận sư khác để biên soạn tác phẩm này.

- Thứ hai là Duy Thức. Duy Thức nói đến lý luận, bất luận các tông, các phái Đại Thừa hay Tiểu Thừa, lý là một, chẳng có lý luận thứ hai.

- Thứ ba là Tịnh Độ, Tịnh Độ là quy túc. Bất luận quý vị học tông nào hay pháp môn nào, cuối cùng đều quy về Tịnh Độ, khác đường nhưng về cùng một chỗ.

Do vậy có thể biết, giới luật, pháp tướng, và Tịnh Độ là khóa trình bắt buộc trong Phật pháp, những thứ khác quý vị có thể chọn lựa để tu tập trong Phật pháp, nhưng ba thứ ấy chẳng thể không tu.

Từ ngữ “*ý thức*” chỉ thức thứ sáu. Kẻ bình phàm tưởng lầm thức thứ sáu là chân tâm của chính mình, coi thức thứ sáu tức ý thức là tâm. Tác dụng lớn nhất của thức thứ sáu, tức ý thức, là nó có thể nghĩ, có thể dấy vọng tưởng. Thức thứ bảy là Mặt Na có tác dụng lớn nhất là chấp trước, cô chấp. Thức thứ sáu tức ý thức, phân biệt, vọng tưởng, công năng này lớn nhất. Vì thế, đức Phật dạy chúng ta tu hành phải hạ thủ từ hai thức này. Nó muốn phân biệt, ta chẳng phân biệt. Nó muốn chấp trước, ta chẳng chấp trước. Không chấp trước, thiên hạ thái bình, vạn pháp bình đẳng. Hễ có chấp trước, sẽ không bình đẳng.

Trong các chấp trước, chấp trước kiên cố nhất là Ngã Chấp. Có Ngã, làm sao có thể bình đẳng cho được? Ta luôn cao hơn người khác một chút, luôn mạnh hơn kẻ khác một chút, nảy sanh ngã mạn, đó là phiền não ngạo mạn. Nghèo hèn đến tột cùng như kẻ được gọi là “*hoa tử*”³, phải ăn xin, “nghèo” là chẳng có của cải, “hèn” là chẳng có địa vị, kẻ ấy có ngạo mạn hay không? Ngạo mạn y chang! Thấy người có tiền, hoặc người làm quan to đi qua, kẻ ấy vẫn hăm hứ: “Có gì ghê gớm đâu chứ! Chẳng qua là có mấy đồng tiền hôi thối mà thôi!” Vẫn cảm thấy mình chẳng thua ai! Chư vị phải biết: Thức thứ bảy tức Mặt Na Thức là “*tứ đại phiền não thường tương tùy*” (thường đi kèm theo bốn đại phiền não). Trong bốn đại phiền não còn có ngạo mạn. Hễ có Ngã, nhất định là có Mạn. Lễ Ký có nói: “*Ngạo bất khả trưởng*”, [cổ nhân] biết ngạo mạn là bảm sinh, [“*ngạo bất khả trưởng*” là] đừng nên tăng trưởng [ngạo mạn] là được rồi. Nho gia mong không chế ngạo mạn, chẳng để cho nó tăng trưởng. Phật pháp biết Mạn là đại phiền não, tham, sân, si, mạn, nhất định phải đoạn. Nếu chẳng đoạn phiền não, Ngã Chấp chắc chắn chẳng đoạn được!

Bắt tay vào tu học Phật pháp, nguyện thứ nhất trong các nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát là “*lễ kính chư Phật*”, lễ kính là tu gì? Là chiết phục

³ Đây là cách gọi châm biếm người ăn mày. Do người ăn mày rách rưới quần áo vá chằng vá đụp bằng đủ thứ vải nhặt nhạnh được nên trông loang lổ, nhiều màu. Hơn nữa, họ còn bị ghẻ lở, hay bôi thuốc lam nham như “trổ hoa”.

ngạo mạn. Phật pháp như thế, mà pháp thế gian cũng chẳng ra ngoài lệ ấy. Trong sự giáo học xưa kia, ai nấy đều phải đọc Lễ Ký, giống như chúng ta học các sách giáo khoa của các môn Công Dân và Tu Thân trong hiện thời. Câu đầu tiên trong Lễ Ký là: “*Khúc Lễ viết: Vô bất kính*” (Khúc Lễ nói: “Không gì chẳng kính”). “*Vô bất kính*” là cung kính hết thầy. Định nghĩa của Lễ là gì? “*Tự ty nhi tôn nhân*”, [nghĩa là] phải tự hạ mình, phải tôn trọng người khác. Giáo học Nho gia cũng nhằm chế phục ngã mạn, thánh nhân thế gian và xuất thế gian có cách nhìn giống nhau, phương châm giáo học cũng giống nhau. Kinh Đại Thừa nói “*chuyển Thức thành Trí*”, bất quá Nho gia chẳng thể chuyển biến thật triệt để, chỉ chế phục mà thôi. Phật pháp kiên quyết chuyển biến nó!

Mạt Na Tương Tục Thức, tức là Mạt Na Thức có tác dụng kéo dài. “*Y chư phàm phu thủ trước chuyển tâm*” (Do các phàm phu chấp giữ mà càng thêm sâu), “*thủ*” (取) là giữ lấy tướng, “*trước*” (著) là chấp trước. “*Kế ngã, ngã sở*” (So đo ta và cái của ta), “*kế*” (計) là so lường, phân biệt, tức là trừ tính, cân nhắc, phân biệt, phân biệt Ngã, phân biệt Ngã Sở. Ngã Sở là cái ta vốn có. Những vật ngoài thân đều là cái của ta, gia đình ta, tài sản của ta, sự nghiệp của ta, quyền thuộc của ta, thầy đều là những thứ ta có! Ngã rất khó đoạn, đức Phật có pháp phương tiện: Trước hết, trừ bỏ Ngã Sở, sẽ dễ hơn một chút. Từ Ngã Sở, sau đó sẽ phá trừ Ngã Chấp. Chúng ta phải hiểu, phương pháp có rất nhiều loại, thường nói là “*tám vạn bốn ngàn pháp môn*”, “*pháp*” là phương pháp, “*môn*” là cửa ngõ. Nhưng quả thật chẳng dễ bỏ, đừng nói là Ngã khó bỏ, ngay cả Ngã Sở cũng chẳng bỏ được. Nếu chấp trước kiên cố Ngã và Ngã Sở, chẳng thể buông xuống, nói cách khác, sẽ chắc chắn ở trong lục đạo, quyết định chẳng thể nào vượt thoát được!

Lục đạo được hình thành như thế nào? Do Ngã và Ngã Sở biến hiện. Sơ Quả Tu Đà Hoàn đã trừ bỏ Ngã Sở, chứng đắc Vị Bất Thoái. Tuy chẳng vượt thoát luân hồi, đảm bảo chẳng đọa trong ba ác đạo, vì sao? Các Ngài đã trừ bỏ Ngã Sở, nhưng chưa trừ bỏ Ngã, đã bỏ được Ngã Sở, ngã tham, ngã sân, ngã si, ngã mạn đều chẳng có, đã bỏ hết. Do Tu Đà Hoàn chẳng có tham, sân, si, mạn, nên gọi là thánh nhân. Đắc quả A La Hán, Ngã Chấp liền phá trừ, không chỉ chẳng có Ngã Sở, mà Ngã cũng trừ bỏ, bèn vượt thoát tam giới, chẳng còn luân hồi. Tu Đà Hoàn vẫn còn luân hồi, Ngài qua lại trong cõi trời và nhân gian bảy lần, tức là bảy lần luân hồi, sẽ chứng quả A La Hán, bèn vượt thoát.

Nay chúng ta chẳng bỏ Ngã Sở Hữu được! Đáng sợ quá! Người thế gian quả thật khó thể buông xuống, vì sao? Chẳng liễu giải chân tướng sự

thật. Ví như hiện thời chúng tôi bảo quý vị bỏ thí, quý vị đem tất cả tài vật bỏ thí, sẽ nghĩ: “Ngày mai làm thế nào để có cơm ăn?” Vì nghĩ đến ngày mai ta vẫn phải ăn cơm, ta có bỏ thí thì cũng phải chừa tiền lại để có cơm ăn ngày mai, vẫn chẳng thể bỏ sạch sành sanh. Nay chúng ta đang tu tập để bỏ Ngã Sở, chỉ có thể bỏ được một hai phần trăm Ngã Sở mà thôi. Có thể bỏ đến mười phần trăm, hoặc hai mươi phần trăm, sẽ rất lỗi lạc! Đó là nguyên nhân vì sao người tu hành suốt cả một đời mà chẳng thể thành tựu, chẳng dứt khoát⁴, chẳng trừ sạch sành sanh. Tu hành kiểu đó làm sao có thể thành tựu cho được? Vì thế, muốn có thành tựu, thật sự phải có “đảm thức” (can đảm và hiểu biết). Chữ Thức (識: nhận thức) trong Đảm Thức quan trọng lắm, quý vị phải có nhận thức, sau đó, quý vị mới có lòng can đảm, mới nhanh chóng trừ bỏ. Để kiến lập đảm thức, tôi cảm thấy tốt nhất là đọc Liễu Phàm Tứ Huấn. Liễu Phàm Tứ Huấn đọc một hai lần vô dụng, chẳng thể sanh ra hiệu quả. Trước kia, tôi khuyên lon khích lệ các đồng tu, đọc Liễu Phàm Tứ Huấn từ đầu đến cuối chẳng ngừng, mỗi ngày tối thiểu niệm hai ba lượt. Quý vị niệm đến ba trăm lượt, sẽ thay đổi quan niệm. Đọc một hai lần thì do tập khí của quý vị quá nặng, ấn tượng rất mỏng manh, yếu ớt, chẳng sanh ra hiệu quả; ba trăm lần, cho đến ba ngàn lần, trong đầu nảy sanh tác dụng, sau đấy, quý vị mới dám xả. Vì sao dám xả? Biết “*một hớp uống, một miếng ăn, không gì chẳng định trước*”, ta đều bỏ hết, ngày mai tự nhiên sẽ có cơm ăn, cơm từ đâu ra? Chẳng biết! Ngày mai quý vị vẫn đương nhiên có cơm ăn, rất mâu nhiệm! Nhưng mọi người chẳng dám tin tưởng điều này!

Tôi thừa cùng chư vị đồng tu: Thuở tôi vừa mới học Phật, lão cư sĩ Châu Kính Trụ tặng tôi một quyển Liễu Phàm Tứ Huấn. Tôi đọc xong, rất cảm động, cảm thấy rất có lý, liền bắt đầu bỏ, vẫn chưa phải là bỏ sạch ngay, mà là bỏ từ từ. Chương Gia đại sư dạy tôi tu sáu năm, trong sáu năm, tôi bỏ sạch sành sanh, thứ gì cũng đều chẳng có. Khi đó, các bạn đồng nghiệp hỏi tôi: “Nay anh chẳng có một đồng nào, lại muốn thôi việc, anh sống bằng cách nào?” Bạn bè thân thiết, cấp trên, đồng nghiệp đều lo lắng giúp tôi. Tôi thôi việc, là do tự mình bỏ việc, bỏ việc thì chẳng nhận được

⁴ Nguyên văn “*tha nê đới thủy*” (拖泥帶水: lội bùn, dầm nước, hình dung kẻ đi trên con đường lầy lội, càng sợ bẩn, càng rón rén, càng dính đầm bùn, ướt nước), còn nói là “*hòa nê hợp thủy*” (和泥合水: khuấy bùn vào nước), là một thuật ngữ chuyên dụng trong Phật giáo, hàm ý chẳng thể gạt sạch triền phược, chẳng thể dứt khoát dứt hẳn đoạn trừ. Từ ngữ này thường được sử dụng rất phổ biến trong nhà Thiền để phê phán những kẻ do dự, chẳng quả quyết, chẳng dứt hẳn gạt bỏ triền phược để đón siêu trực nhập, hay nói cách khác là chẳng “*đơn đao trực nhập*”.

đồng nào, [công ty] chỉ phát một tháng tiền lương. Tôi rất vui vẻ nhận lấy, vì chỉ bằng lòng cho tôi thôi việc là được rồi, một đồng tôi cũng chẳng cần! Khi ấy, đồng nghiệp và cấp trên, mọi người đóng góp chút tiền, tặng tôi hai ngàn đồng, tôi đem món tiền ấy đến Ấn Kinh Xứ của Châu lão cư sĩ để in kinh, thay họ làm việc thiện. Vì chính bọn họ chẳng chịu phát tâm in kinh, nên tôi dùng tên bọn họ để in kinh. Sau khi in xong, tặng mỗi người một quyển để làm kỷ niệm, tôi chẳng cần đến đồng nào! Tôi nói với cấp trên và đồng nghiệp: “Nếu tôi có số đáng phải chết đói, nay quý vị trao ngân hàng Đài Loan cho tôi, tôi vẫn bị chết đói. Trong mạng tôi chẳng bị chết đói, thứ gì tôi cũng đều chẳng cần, ngày mai tự nhiên có cơm ăn”. Bọn họ nghe nói đều sững sờ, tôi còn có niềm tin như thế đó! Do số tôi không chết đói, nên mãi cho đến hiện thời, chưa hề bị đói bữa nào, xác thực là như thế đấy! Vì vậy, “*đảm thức*” hết sức trọng yếu, quý vị thật sự có nhận thức thì mới có đảm lượng (lòng can đảm).

Khi tôi cầu học với thầy Lý ở Đài Trung, từng dẫn hai vị pháp sư đến đó. Vị thứ nhất là pháp sư Huệ Nhân, nay ở Hương Cảng. Vị này rất thông minh, tôi dẫn theo thầy ấy. Thầy ấy ở Đài Trung mười tháng, có tiền lắm, vì cho vay nặng lãi, mỗi tháng được hơn ba trăm đồng tiền lời. Vào khoảng năm Dân Quốc 50 (1961), ba trăm mấy chục đồng rất đáng giá. Thầy ấy thân thể không khỏe, thường mua thuốc bổ uống, tôi khuyên thầy ấy: “Thầy dùng tiền để mua thuốc uống hết, chẳng đáng tí nào, chẳng có ý nghĩa gì hết, sao không quyên món tiền ấy cho bệnh viện để cứu tế những người đang bị bệnh khổ?” Thầy ấy đáp: “Sau khi tôi quyên tặng rồi, lỡ chính tôi bị bệnh thì làm sao?” Tôi đáp: “Thầy quyên cúng sạch trơn, sẽ chẳng ngã bệnh. Thầy chuẩn bị sẵn một mớ tiền thuốc, còn chưa bị bệnh mà đã chuẩn bị sẵn bệnh, làm sao chẳng ngã bệnh cho được? Cảnh chuyên theo tâm, thầy nhất định sẽ đổ bệnh”. Nếu tôi có sẵn món tiền dành dụm để lo thuốc thang, tôi sẽ ngã bệnh. Tôi chẳng có tiền thuốc men, vì thế, từ trước đến nay tôi chẳng ngã bệnh. Tôi khuyên thầy ấy, nhưng ông ta chẳng tin tưởng. Dầu cho thân thể chẳng khỏe, hề có tiền, bèn đem món tiền ấy quyên tặng bệnh viện, chính mình sẽ chẳng đổ bệnh. [Quyên tặng tiền cho bệnh viện thì có nghĩa là] tiền thuốc men vẫn cứ phải chi ra y hệt như vậy, nhưng chính mình chẳng sanh bệnh, tốt lắm, thông minh đấy! Có gì cứ phải nắm chặt món tiền ấy, tiền chẳng giữ lâu được, vẫn phải bỏ ra, chính mình lại còn chuốc lấy bệnh khổ, oan uổng quá! Chuyện này cần phải có trí huệ, phải nhận rõ chân tướng sự thật. Chư vị đồng tu nếu muốn chính mình chẳng sanh bệnh, hãy quyên tặng món tiền dành dụm để lo thuốc men. Người trong thế gian bệnh khổ rất nhiều, giúp đỡ họ, chính

mình chẳng sanh bệnh. Vì lẽ đó, đối với “đảm thức”, quý vị thật sự có nhận thức thì mới có lòng can đảm, mới dám thật sự làm, làm đến mức sung sướng không ngần, mới có thể sanh trí huệ.

Thức thứ sáu tức ý thức là mỗi ngày đều phan duyên. “Tùy sự ban duyên, phân biệt lục trần” (Nắm níu theo sự việc, phân biệt lục trần), lục căn tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, ai phân biệt? Thức thứ sáu tức ý thức phân biệt. Đó là ý thức, cũng gọi là Phân Biệt Sự Thức.

(Diễn) Niệm niệm trừ ngoại trừ lượng giả, niệm niệm tùy trừ ngoại trần, tư lượng, trừ độ, tăng bất tạm ly, nhật dạ an u mê loạn, nhi bất giác dã, duy sanh, duy tử, tự nhược u phân nhiều chi trung, vô cổ, vô kim, tương vong u tán loạn chi nội, khả cụ dã.

(演)念念逐外籌量者，念念隨逐外塵，思量籌度，曾不暫離，日夜安於迷亂，而不覺也，唯生唯死，自若於紛擾之中，無古無今，相忘於散亂之內，可懼也。

(Diễn: “Niệm niệm trừ tính, suy lường theo bên ngoài”: Niệm niệm đuổi theo ngoại trần, suy nghĩ, trừ tính, cân nhắc, chưa từng tạm lìa, ngày đêm ở yên trong mê loạn mà chẳng nhận biết. Chỉ sống, chỉ chết, tự đặt mình trong sự nhiều loạn, chẳng xưa, chẳng nay, quên bẵng trong tán loạn, đáng sợ thay!)

“Ngoại trần” là cảnh giới bên ngoài. Vì sao cảnh giới bên ngoài gọi là Trần? Trần (塵) là tử dụ, có ý nghĩa ô nhiễm. Tâm thanh tịnh của chúng ta bị cảnh giới bên ngoài ô nhiễm. Nói thật ra, cảnh giới bên ngoài có bao giờ ô nhiễm tâm thanh tịnh của quý vị? Ô nhiễm cũng là tử dụ, trọn chẳng phải là ô nhiễm thật sự. Do vì quý vị phân biệt, chấp trước, nên giống như bị nhuộm bẩn. Nếu đối với cảnh giới lục trần bên ngoài, quý vị chẳng phân biệt, không chấp trước, chúng ta thường nói là “không khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước”, ngoại cảnh có thể hưởng thụ, có thể thọ dụng, có trở ngại chính mình hay không? Không trở ngại. Đó là Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại. Vì lẽ đó, nói thật ra, cuộc sống của chư Phật, Bồ Tát chẳng khác chúng ta. Trên hình thức, sự tương, chẳng khác gì nhau; nhưng tâm lý khác nhau. Chúng ta phân biệt, chấp trước, nên bị ô nhiễm; các Ngài chẳng phân biệt, không chấp trước, nên chẳng bị ô nhiễm. Nói theo phía các Ngài là Sự Sự vô ngại; nói theo phía chúng ta thì là “gặp chuyện bèn thành chướng ngại”, đâu đâu cũng đều là chướng ngại. Quý vị phải truy cứu nguyên nhân, chướng ngại do

đâu mà có? Chướng ngại là từ tâm lý khởi tác dụng, lại còn chấp trước hư vọng, trọn chẳng phải là thật sự có chướng ngại, mà do quan niệm của chính mình sai lầm. Do quan niệm sai lầm ấy, tạo ra rất nhiều chướng ngại; do có những chướng ngại ấy nên khởi phiền não. Do có phiền não, nên dẫn khởi khổ báo, tam đồ là khổ báo.

“*Niệm niệm tùy trục ngoại trần*” (Niệm niệm đuổi theo ngoại trần), bị cảnh giới bên ngoài dôi gạt, bị cảnh giới bên ngoài lôi đi, tâm chuyển theo cảnh, khổ lắm! Khổ quá! Trong Phật pháp thường nói đến chuyện bị “*ma dựa*”, ma cảnh. Ma có rất nhiều loại, kinh Bát Đại Nhân Giác chia ma thành bốn loại lớn, trong đó ba loại lớn thuộc về bản thân, chỉ có một loại ở bên ngoài. Ngũ Âm Ma và Phiền Não Ma thuộc về bản thân, chính mình vốn sẵn có; Tử Ma là sanh tử, cũng là bản thân sẵn có, chỉ có Thiên Ma là ở bên ngoài. Thiên Ma là gì? Trừ ba loại lớn thuộc về bản thân ra, đều gọi là Thiên Ma. Có phải là Thiên Ma thật sự có thể chướng ngại chúng ta? Chẳng phải vậy! Vì bên trong quý vị có ba loại ma ấy, bên ngoài mới có thể khởi tác dụng. Nếu ba thứ bên trong chẳng có, bên ngoài chắc chắn chẳng có Thiên Ma. Chư vị đọc kinh Hoa Nghiêm, năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử chẳng gặp phải Thiên Ma, vì sao chẳng có? Vì chính Ngài chẳng có Ngũ Âm Ma, Phiền Não Ma, Tử Ma, nên bên ngoài cũng chẳng có Thiên Ma. Bản thân chúng ta có phiền não, nên bên ngoài có ma. Thiện Tài đồng tử thấy cảnh giới bên ngoài là cảnh giới thiên nhiên, cảnh giới tự nhiên, toàn là thiện tri thức. Tình và vô tình đều là thiện tri thức, nên Ngài là Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại.

Do vậy có thể biết, ma sanh từ đâu? Ma sanh từ tâm, cũng tức là ma sanh từ quan niệm và tư tưởng sai lầm của quý vị. Nếu kiến giải và tư tưởng của quý vị chánh chứ không tà, giác chứ không mê, quyết định chẳng có ma. Tư tưởng và kiến giải sai lầm, thừa cùng chư vị, ngay cả A Di Đà Phật và Thích Ca Mâu Ni Phật đều là ma, vì sao? Quý vị sẽ bị các Ngài thử thách, thật đấy, chẳng giả tí nào! Nếu đối với hết thấy các tướng, quý vị chẳng phân biệt, không chấp trước, yêu ma, quỷ quái đều là thiện tri thức, đều chẳng phải là ma, quý vị mới thật sự hiểu rõ cảnh chuyển theo tâm.

Cho nên tu hành là tu gì? Tu cái tâm của chính mình, thanh tịnh tâm. Tuy nói ba tâm, giác tâm, chánh tâm, thanh tịnh tâm, một mà ba, ba mà một. Trong ba loại tâm ấy, thanh tịnh tâm thuận tiện nhất, dễ dàng tu nhất. Tâm đã thanh tịnh, đương nhiên là chánh tri chánh kiến, đương nhiên là giác chứ không mê. Thiên tu tập từ nơi giác tâm, chẳng dễ dàng cho lắm!

Giáo Hạ tu tập từ chánh tâm, tức là chánh tri chánh kiến, cũng chẳng phải chuyện dễ dàng. Niệm Phật tu tập từ tâm thanh tịnh.

Chúng ta hiểu chân tướng sự thật này, phải nên chuyển ngược lại, xoay chuyển lại. Niệm niệm đừng nên đuổi theo ngoại trần nữa, đừng bị dao động bởi cảnh giới bên ngoài, chính mình có chủ trương, chính mình làm chủ tể, chẳng bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển. Quý vị có bản lãnh ấy, sẽ chẳng khác Phật, Bồ Tát. Kinh Lăng Nghiêm nói: “*Nếu có thể chuyển cảnh, ắt giống như Như Lai*”. Như Lai có bản lãnh gì? Như Lai chẳng bị cảnh giới chuyển. Chúng ta bị cảnh giới chuyển, nên là phàm phu. Chẳng bị cảnh giới chuyển, sẽ là Phật, Bồ Tát.

“*Tự lương trừ độ, tăng bất tạm ly, nhật dạ an u mê loạn, nhi bất giác dã*” (Suy lường, trừ tính, cân nhắc, chưa hề tạm rời, ngày đêm ở yên trong mê loạn, mà chẳng hay biết). Đây là nói về phàm phu. “*Duy sanh, duy tử*”, sanh sanh tử tử, vĩnh viễn chẳng xong, luân hồi trong lục đạo. “*Tự nhược u phân nhiều chi trung, vô cố, vô kim, tương vong u tán loạn chi nội, khả cụ dã*” (Tự đặt mình trong sự nhiễu loạn, không xưa, không nay, quên bẵng trong vòng tán loạn, đáng sợ thay). Chữ “*nội*” chỉ lục đạo luân hồi. Tự mình mê mất, nên thấy hết thấy chúng sanh đều mê, mà vẫn cứ ngỡ đó là chánh xác.

Thuở tôi còn trẻ, thích đọc lịch sử, sau này học Phật, chẳng còn đọc Nhị Thập Ngũ Sử nữa, tôi buông một câu phê bình “chó cắn sửa nhau”. Lịch sử xưa nay, trong ngoài nước đều là như vậy, thật ra là đang tạo nghiệp. Trước kia, tại Đài Loan hàng năm đều tuyển chọn người tốt, chuyện tốt, thầy Lý viết trên bảng đen chữ Hảo Nhân (người tốt), dưới chữ Hảo bèn khuyên một cái, [thành ra] “hảo nhân hảo sự!” (người tốt ham bới ra việc)⁵. Lại nghĩ tới Bàn cư sĩ đã bảo: “*Hảo sự chẳng bằng vô sự*”. Nếu mỗi người đều chẳng muốn làm chuyện tốt, sẽ đều vô sự, thừa cùng chur vị, thiên hạ thái bình. Vì sao hiện thời Đài Loan loạn như thế? Người “tốt” lắm quá! Ai nấy đều muốn làm chuyện tốt! Quý vị thấy ngay cả viện Lập Pháp (Quốc Hội) cũng đấu đá như vậy, háo sự đấy!

Công việc chúng ta đang làm hiện thời, đối với quốc gia, đối với xã hội, đối với thế giới có sự công hiến nhất định, tuyệt đối chẳng ít hơn những việc họ làm, nhưng công việc của chúng ta thanh tịnh hơn. Việc người ta chẳng muốn làm, chúng ta sẽ làm. Những gì người ta muốn, thầy

⁵ Cụ Lý Bình Nam chơi chữ. Chữ Hảo là tốt, và chữ Háo (ham chuộng) viết cùng một chữ, chỉ có giọng đọc khác nhau. “*Hảo nhân hảo sự*” (Người tốt, việc tốt) được cụ đọc thành “*hảo nhân háo sự*” (người tốt ham bới ra chuyện này nọ).

đều nhường cho quý vị làm; nếu quý vị chẳng làm, chúng tôi sẽ làm. Những người làm chuyện tốt ấy, bảo họ xuống tóc, xuất gia, giảng kinh, họ chẳng làm. Họ chẳng làm, tức là họ chẳng làm chuyện tốt đẹp ấy. Vì thế, phải hiểu chuyện tốt là gì, tiêu chuẩn của chuyện tốt cũng rất khó nhận biết rõ ràng. Chẳng có trí huệ kha khá, sẽ chẳng có cách nào phân biệt thị phi, thiện ác. Thị phi, thiện ác đều chẳng thể phân biệt, coi nhất loạt như nhau, ngay cả lợi hại cũng chẳng thể phân biệt, đó là ngu si tới tột cùng!

Trong lời Sao có nói: “*Thế nhân khởi u ý thức, niệm niệm trừ ngoại trừ lượng, thị tà tư duy dã*” (Người đời khởi lên ý thức, niệm niệm trừ tính, suy lường theo bên ngoài; đó là tà tư duy). Liên Trì đại sư đã kết luận: Thức thứ sáu và thức thứ bảy khởi tác dụng là tà tư duy, chẳng phải là chánh tư duy! Tà tư duy là tà tri, tà kiến, chẳng phải là trí huệ chân chánh.

(Sao) Toàn kỳ ý thức, khấu kỷ nhi tham, tư chi hựu tư, tư tận hoàn nguyên, tư vô sở tư, toàn thân tức thọ, tức quang, hà luận bỉ Phật, thử Phật?

(鈔)旋其意識，扣己而參，思之又思，思盡還源，思無所思，全身即壽即光，何論彼佛此佛。

(Sao: Xoay chuyển ý thức, quay trở lại tham cứu chính mình, suy đi nghĩ lại, suy nghĩ cho đến khi hết hẳn suy nghĩ sẽ trở về nguồn, suy nghĩ mà không còn có gì để suy nghĩ nữa, toàn thân chính là thọ, là quang, còn luận định Phật này, Phật kia chi nữa?)

Đây là trở về tự tánh, chuyển thức thành trí, dạy chúng ta cách tu học như thế nào? “*Toàn kỳ ý thức*” (Xoay chuyển ý thức) thì cách xoay là như thế nào? Tham cứu như thế nào?

(Diễn) Toàn kỳ ý thức giả.

(演)旋其意識者。

(Diễn: Xoay chuyển ý thức).

“*Toàn*” (旋) là quay đầu. Trong Phật môn thường nói “*hồi đầu thị ngạn*” (quay đầu sẽ là bờ). Quán Thế Âm Bồ Tát rất biết vận dụng phương pháp này. Quý vị xem Quán Thế Âm Bồ Tát Viên Thông Chương của kinh Lăng Nghiêm, sẽ thấy Ngài giảng phương pháp tu hành của Ngài.

(Diễn) Vị sơ tâm nhân, vị năng cự y nghiệp thức tu hành, chỉ khả tức tựu ý thức hồi quang phản chiếu dã. Cố chư tu hành nhân vị đắc định giả, giai tán vị độc đầu ý thức vi quán Thế; đắc thượng định giả, diệc thị định ý thức hiện lượng quán sát dã.

(演)謂初心人，未能遽依業識修行，只可即就意識回光返照也。故諸修行人未得定者，皆散位獨頭意識為觀體；得上定者，亦是定意識現量觀察也。

(Diễn: Ý nói kẻ sơ tâm chẳng thể dựa ngay trên nghiệp thức để tu hành, chỉ có thể từ ngay nơi ý thức mà hồi quang phản chiếu. Vì lẽ đó, người tu hành mà chưa đắc Định đều dùng tán vị độc đầu ý thức⁶ để quán Thế. Người đã đắc Định bậc thượng cũng là dùng Định hiện lượng ý thức để quán sát).

Chúng ta chớ nên không biết chân tướng sự thật này, vì lý luận này xuyên suốt tất cả các pháp môn. Chúng ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ cũng cùng một nguyên lý như vậy. Người sơ phát tâm quyết định dùng thức thứ sáu, tức ý thức, để tu hành. Thiên Thai đại sư do kinh Pháp Hoa mà khai ngộ, sau khi đã ngộ, bèn sáng chế phương pháp tu hành Tam Chỉ Tam Quán. Phương pháp này của Ngài hết sức gần với phương pháp được giảng trong kinh Lăng Nghiêm. Thuở đó, cao tăng Ấn Độ đến núi Thiên

⁶ “Độc đầu ý thức” (獨頭意識) là thuật ngữ hàm ý: Ý thức chẳng cùng sanh khởi với năm thức trước, mà là sanh khởi độc lập. Nói cách khác, khi năm căn tiếp xúc năm trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc) sanh khởi năm thức, năm thức ấy lại chuyển các hình bóng của tiền trần cho ý thức phân biệt, lưu giữ ấn tượng trong A Lại Da. Ý thức kiểu đó chẳng phải là độc đầu. Độc đầu ý thức chỉ duyên với pháp cảnh, tức hình ảnh của pháp trần. Độc đầu ý thức gồm bốn loại:

- 1) Mộng trung độc đầu ý thức: Khi nằm ngủ, ý thức phan duyên cảnh giới trong mộng, sanh ra ý thức. So trong tam lượng, cảnh trong mộng được xếp vào phi lượng (chẳng thuộc trong tam lượng).
- 2) Định trung độc đầu ý thức: Khi Thiên Định, cảnh giới trong thiên định khiến ý thức sanh khởi, loại này chỉ thuộc vào hiện lượng.
- 3) Tán vị độc đầu ý thức: Chẳng phải là mộng mà cũng chẳng phải là trong định, chẳng duyên theo cảnh của năm thức trước. Trong tình huống bình thường, tâm tán loạn dấy lên, ý thức rong ruổi, trước sau, xưa nay, chợt nghĩ nọ, nghĩ kia, loạn tưởng chẳng ngừng thì gọi là tán vị độc đầu ý thức. Nói cách khác, tán vị độc đầu ý thức chính là vọng tưởng.
- 4) Cuồng loạn độc đầu ý thức: Khi con người điên đảo, hoặc thần kinh thác loạn, thường tự nói, tự kể, thậm chí hoa chân múa tay, nói năng lộn xộn, ý thức khi ấy được gọi là cuồng loạn độc đầu ý thức.

Thai thăm viếng Trí Giả đại sư, nghe Ngài giảng pháp môn tu hành, đã bội phục năm vóc sát đất. Do kinh Lăng Nghiêm chưa truyền đến Trung Hoa, Ngài nghiêm nhiên suy nghĩ một phương pháp tương ứng với kinh Lăng Nghiêm. Tuy là giống nhau, trên thực tế, vẫn có chỗ bất đồng, bất đồng ở chỗ nào? Giao Quang đại sư đã nói rất rõ ràng: Tam Chỉ Tam Quán của ngài Thiên Thai dùng tâm ý thức để tu. Xa Ma Tha, Tam Ma Địa, Thiên Na được nói trong kinh Lăng Nghiêm dùng tự tánh để tu, chẳng dùng ý thức, đó là chỗ bất đồng. Nhìn bề ngoài, Xa Ma Tha là Chỉ, Tam Ma Địa là Quán, Thiên Na là Chỉ Quán đẳng vận (Chỉ và Quán cùng vận dụng), xác thực là giống như Tam Chỉ Tam Quán do Thiên Thai đại sư đã nói, [thật ra là] phương pháp giống nhau, nhưng dụng tâm khác nhau. Lăng Nghiêm khó, Lăng Nghiêm phải bỏ thức dùng căn, Thiên Thai dễ dàng, Thiên Thai dùng tâm ý thức, chúng ta ai nấy đều có thể tu học. Chú giải kinh Lăng Nghiêm chia làm hai phái lớn. Ngài Giao Quang là tân phái, chủ trương bỏ thức dùng căn. Ngài Trường Thủy⁷ là cựu phái, chủ trương vận dụng tư tưởng của tông Thiên Thai, theo lối này, người bình phàm đều có thể tu học.

Tâm ý thức khẩn yếu ở chỗ hồi quang phản chiếu, phải biết quay đầu. “Quay đầu” là chẳng hướng ra ngoài phan duyên, mà là hướng nội

⁷ Ngài Tú Châu Trường Thủy Tử Tuyên (965-1038), tự là Trọng Vi, hiệu Trường Thủy, là cao tăng thuộc tông Hoa Nghiêm, sống vào đời Bắc Tống, họ ngoài đời là Trịnh. Năm chín tuổi, xin xuất gia với ngài Khế Tông chùa Phổ Huệ, học tập kinh Lăng Nghiêm. Năm mười hai tuổi, thọ giới Sa Di. Trong niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc, ngài đến chùa Linh Quang thuộc Tú Châu, theo học kinh Lăng Nghiêm với ngài Mãn Huệ, được ngài Mãn Huệ phó pháp. Về sau, Sư đến tham phỏng ngài Huệ Giác núi Lang Gia, hoảng nhiên đại ngộ, xin làm thị giả. Ngài Huệ Giác thấy tông Hoa Nghiêm đã suy vi, bèn phó chúc Sư chấn hưng. Ngài bèn vâng lời lui về học Hoa Nghiêm, tham cứu sâu xa huyền chỉ. Về sau, Sư trụ tại chùa Trường Thủy, chuyên giảng Hoa Nghiêm và Lăng Nghiêm, trong đời Ngài đã giảng kinh Lăng Nghiêm hơn ba mươi lần. Năm Thiên Thánh thứ tám (1030), đại sư soạn Lăng Nghiêm Nghĩa Sớ hai mươi quyển (đây chính là bộ sách thường được gọi là Lăng Nghiêm Trường Thủy Sớ), Kim Cang Bát Nhã Kinh Toàn Yếu Khoa (một quyển), Khởi Tín Luận Bút Sao Ký (hai mươi quyển). Ngài còn giảng Hạnh Nguyện Sao, Pháp Giới Quán, Viên Giác Kinh, Thập Lục Quán Kinh mấy chục hội. Năm Đại Trung Tường Phù nguyên niên (1013), triều đình ban tặng sư áo ca-sa tía và tước hiệu Trường Thủy Sớ Chủ Lăng Nghiêm Đại Sư. Trước khi Hoa Lục rơi vào tay Mao Trạch Đông, huyện Gia Hưng, tỉnh Chiết Giang còn có chùa Lăng Nghiêm. Đây chính là nơi Ngài từng ở để viết chú giải kinh Lăng Nghiêm. Trong chùa có ngôi điện Vũ Hoa Đường, theo truyền thuyết, khi Ngài viết chú giải, chur thiên rải hoa cúng dường, nên ngôi điện ấy có tên như vậy. Năm 1935, Thái Hư đại sư từng giảng Lăng Nghiêm Kinh Đại Ý tại nơi này.

phan duyên. Ngoại phan duyên là duyên theo lục trần, hướng nội phan duyên là duyên theo tự tánh. Bất luận chuyện gì, hễ có thể quay đầu, như vậy là tốt đẹp. Người tu hành chưa đắc Định, giống như chúng ta hiện thời chưa đắc Định, ai làm chủ? Tán vị độc đầu ý thức làm chủ. Nay chúng ta nói niệm Phật cũng thế, mà tu quán tưởng cũng thế, đọc tụng kinh điển cũng như vậy, đều là dùng tâm ý thức. Quý vị đã đắc Định, người niệm Phật đắc Định được gọi là Niệm Phật tam-muội. Vì quý vị thông thường dùng tâm ý thức sẽ dần dần có thể quay đầu, có thể phản quán, cũng là đối với hết thảy cảnh giới bên ngoài, pháp thế gian lẫn Phật pháp thảy đều buông xuống. Pháp môn Tịnh Tông chỉ duyên theo một câu A Di Đà Phật, chỉ tư duy một bộ kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Di Đà cũng là kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta suy nghĩ, nghĩ nhớ trong phạm vi ấy, không chạy theo bên ngoài, dần dần sẽ đắc Định, tâm thanh tịnh.

Thoạt tiên, quý vị đạt được cái gọi là “công phu thành phiền” trong Tịnh Tông. Công phu thành phiền chẳng phải là Định thật sự, nhưng coi như là Định, vì công phu của quý vị có thể chế phục tâm tán loạn. Công phu như vậy chắc chắn vãng sanh, đó gọi là “đời nghiệp vãng sanh”, sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Nếu công phu sâu hơn một tầng, thật sự đoạn Kiến Tư phiền não, chúng chẳng còn khởi tác dụng, chẳng khởi hiện hành, thật sự đã đoạn, bèn chứng đắc Sự nhất tâm bất loạn. Sự nhất tâm bất loạn là Niệm Phật tam-muội thật sự. Công phu thành phiền là tương tự tam-muội, chẳng phải là thật sự, nhưng chắc chắn vãng sanh. Đạt đến Sự nhất tâm, sanh về cõi Phương Tiện Hữu Dư trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng phải là cõi Phạm Thánh Đồng Cư, địa vị vãng sanh đương nhiên cao. Công phu như vậy, nói thật ra, kể bình phàm chúng ta rất khó làm được!

Nói tới công phu thành phiền, có thể nói là bất cứ ai, chỉ cần quý vị thật sự nỗ lực, thật sự chịu tu, chẳng có một ai chẳng đạt được! Điều này có nghĩa là pháp môn này “*vạn người tu, vạn người đến*”. Hơn nữa, trong công phu thành phiền, cũng có ba bậc chín phẩm. Trong ba phẩm thượng của công phu thành phiền, [hành nhân] biết trước lúc mất, sanh tử tự tại, điều này có tác dụng cổ vũ chúng ta rất lớn. Sanh tử tự tại thì ta muốn đi lúc nào bèn ra đi lúc ấy, muốn ở thêm mấy năm bèn ở thêm mấy năm, tự tại! Bất cứ học vấn hay tôn giáo nào trong thế gian cũng đều chẳng làm được điều này, chỉ riêng trong Phật pháp là có thể làm được, sanh tử tự tại, thật vậy, chẳng giả! Ba phẩm trung của công phu thành phiền tuy không thể tự tại, nhưng có thể biết trước lúc mất, có thể đứng mất, ngồi mất, lúc

mất chẳng bị bệnh khổ. Hễ còn chết trong bệnh khổ thì phẩm vị chẳng cao cho lắm!

Trong quá khứ, khi thầy Lý tại thế, đã có lần giảng kinh tại đại hội trường Trung Hưng, cụ công khai tuyên bố cụ sanh tử tự tại. Lúc ấy, cụ chỉ mới bảy mươi lăm tuổi. Cụ có thể làm được thì chúng ta cũng có thể làm được, phải có ý niệm này thì mới được. Cụ làm được, chúng ta rất hâm mộ, nhưng chúng ta làm không được, vậy là chẳng có ý nghĩa gì hết! Cụ có thể làm, chúng ta cũng có thể làm. Cụ bảy mươi lăm tuổi làm được thì chúng ta sáu mươi lăm tuổi phải làm được, đó gọi là “kẻ đến sau mà ở trước”, nói chung, chẳng lọt sau người ta! Quý vị chỉ cần hiểu rõ lý luận, tìm được phương pháp, nghiêm túc tu học, chẳng có ai không thành tựu!

Phật pháp chẳng phải là đặc quyền [cho riêng một ai], mà là bình đẳng, ai nấy đều có thể tu thành, ai nấy đều có thể đạt được, vấn đề là quý vị có chịu tu hay không? Đó gọi là “*ông tu ông đắc, bà tu bà đắc*”, không tu sẽ không đắc, quyền kiểm soát vấn đề này hoàn toàn nằm trong tay của chính mình. Dầu đắc Định, vẫn là ý thức làm chủ trong Định, chẳng phải là bản tánh. Thật sự làm chủ thì nhất định phải chuyển thức thành trí. Trong Phật pháp, Đại Thừa Viên Giáo Sơ Trụ Bồ Tát mới chẳng dùng tâm ý thức, lìa khỏi tâm ý thức. Thiên Tông nói đến chuyện tham Thiên, Tham là gì? Lìa tâm ý thức mới là Tham. Nay chúng ta nói “nghiên cứu”, Phật pháp chẳng nói “nghiên cứu”. Nghiên cứu là dùng tâm ý thức, dùng thức thứ sáu, tức ý thức, đó là tà tư duy, chẳng phải là chánh tư duy. Lìa khỏi tâm ý thức, sẽ là chánh tư duy, là chánh tri chánh kiến. Chánh tri chánh kiến cũng là “*Phật tri Phật kiến*” như kinh Pháp Hoa đã nói. Vị Phật ấy chẳng phải là Phật ở bên ngoài, mà là vị Phật của chính mình, tức tự tánh Phật, tự tánh Bát Nhã lưu lộ. Đức Phật dạy chúng ta làm như vậy, chẳng phải là dạy chúng ta dựa vào tri kiến, ý tưởng của Ngài. Phật chẳng phải là như vậy, Phật dạy chúng ta khai phát chánh tri chánh kiến trong tự tánh.

(Diễn) Khẩu ký nhi tham giả, vị bất trực ngoại trừ lượng, dẫn hướng nhất cú A Di Đà Phật thượng trước đảo, niệm niệm thể sát, niệm niệm cứu tầm, cúc kỳ căn nguyên dã.

(演)扣己而參者，謂不逐外籌量，但向一句阿彌陀佛上著倒，念念體察，念念究審，鞫其根源也。

(Diễn: Tham cứu chính mình là chẳng trừ tính, suy lường theo bên ngoài, chỉ hướng về một câu A Di Đà Phật mà nghiên ngẫm, niệm niệm nghĩ xét, niệm niệm tham cứu tận gốc, tra xét nguồn cội của nó).

Chúng ta thường nói là trong hết thủy cảnh duyên, chẳng phân biệt, không chấp trước, chẳng khởi tâm, không động niệm, giữ gìn tâm địa thanh tịnh, bình đẳng, đó là chân chánh tu hành. Đó là quay đầu, trở về tự tánh. Trong phần trước đã nói, “*toàn kỳ ý thức*” (xoay chuyển ý thức), chúng ta phải quay đầu như vậy. “*Đản hướng nhất cú A Di Đà Phật thượng trước đảo, niệm niệm thể sát, niệm niệm cứu thâm, cú kỳ căn nguyên dã*” (Chỉ hướng về một câu A Di Đà Phật mà nghiền ngẫm, niệm niệm nghĩ xét, niệm niệm tham cứu cặn kẽ, tra xét nguồn cội của nó): Đó là nói theo phía người tu Tịnh Độ, vì tu pháp môn Tịnh Độ là dễ dàng nhất trong tất cả các pháp môn, mà cũng là pháp môn ôn hòa, thích đáng nhất, đặc lực nhất. Chúng ta chẳng hướng ra ngoài phan duyên, chư vị nhất định phải biết: Đọc kinh luận càng ít càng hay! Quý vị niệm nhiều chẳng có lợi gì! Niệm nhiều, mà nếu chẳng thể hội quy tự tánh, chắc chắn sẽ tăng trưởng tà kiến. Thanh Lương đại sư nói lời này, vì sao? Quý vị niệm nhiều, vọng tưởng nhiều, chấp trước nhiều, phân biệt nhiều, phiền phức ở ngay chỗ này!

Học đạo chẳng giống như cầu học. Lão Tử đã nói: “*Vi học nhật ích*” (Vì sự học mà ngày càng tăng), đó là học thuật thế gian, càng học nhiều càng tốt. “*Vi đạo nhật tổn*”, vì đạo, học đạo thì trong tâm mỗi ngày phải buông xuống, mỗi ngày trừ bỏ, bỏ đến khi chẳng còn gì để bỏ, quý vị sẽ thành tựu, sẽ thành công. Vì lẽ đó, quý vị biết chuyện càng ít càng hay, những thứ quý vị đọc, xem, nghe càng ít càng hay! Hiện thời, người học đạo chẳng dễ thành tựu, là do các đồng tu học đạo biết quá nhiều chuyện, đến các chùa miếu khắp nơi, đi khắp nơi để xem kinh điển loạn xạ, xem đến nỗi một thân toàn là khuyết điểm! Vì vậy, kinh Phật có thể cứu người, mà cũng có thể hại người, hại chết quý vị mà quý vị cũng chẳng biết. Oan uổng quá! Vì vậy, bị Thích Ca Mâu Ni Phật hại chết. Thuở tôi thân cận thầy Lý, khi ấy, tôi còn chưa xuất gia, tôi nói: “*Kinh Phật có thể hại chết người*”. Các bạn học nghe nói chẳng phục, đến hỏi thầy. Thầy gật đầu: “*Chẳng sai! Kinh Phật có thể hại chết người*”. Họ nghe nói sững sờ! Kinh Phật giống như thuốc, thuốc trong tiệm thuốc đều là thuốc tốt lành, đều để chữa bệnh, nhưng quý vị có thể uống tùy tiện hay sao? Chắc chắn là uống vô chết ngắc, không đúng chứng bệnh mà! Kinh Phật là pháp dược, có thể đoạn dứt Pháp Thân huệ mạng của chúng ta, nên kinh Phật chẳng thể tùy tiện xem, chẳng thể tùy tiện nghe!

Khi tôi bái cụ Lý Bình Nam làm thầy, thầy đặt ra ba điều kiện. Ba điều kiện ấy là ba điều giới luật:

- Điều kiện thứ nhất, chỉ cho phép nghe cụ giảng kinh. Trừ cụ ra, bất luận kẻ nào giảng kinh cũng chẳng được phép nghe.

- Điều kiện thứ hai, xem sách Phật hoặc sách thông thường, nếu chẳng được cụ đồng ý, chẳng được phép xem.

- Điều kiện thứ ba càng hà khắc hơn: “Những gì anh đã học trước đây tôi đều chẳng thừa nhận, nhất loạt bỏ đi. Nay anh đến chỗ tôi để học thì phải học lại từ đầu!” Điều kiện này rất lợi hại, thầy nói gì chỉ được phép nghe theo, chẳng thể biện bác, nói “trong quá khứ, con đã xem ở đâu đó, chẳng giống như thầy nói”. Thầy bảo: “Tôi chẳng thừa nhận điều ấy, bỏ nó đi!” Vì thế, ngay cả cơ hội nói năng cũng chẳng có, chỉ đành ngoan ngoãn nghe theo.

Về sau, chúng tôi mới hiểu rõ ba điều kiện ấy, chẳng phải là thầy Lý độc đoán. Từ xưa tới nay, tổ sư đại đức truyền dạy học trò đều là ba điều kiện ấy, chúng ta mới hiểu sự thừa là gì. Thầy đoạn tuyệt tất cả hết thảy vọng tưởng, phân biệt, ý kiến của quý vị, khiến cho tâm địa quý vị thật sự khôi phục sự thanh tịnh thì mới có thể tiếp nhận pháp môn quảng đại vi diệu rất sâu này. Về sau, tôi biết pháp sư Diễn Bồi cũng được giáo dục như vậy: Lúc Ngài làm tiêu sa-di theo lão hòa thượng Đế Nhân, lão hòa thượng Đế Nhân cũng đặt ra ba điều kiện ấy.

Hiện thời, các đồng tu trong Phật môn chúng ta, rất nhiều đồng tu xuất gia, quý vị nghĩ xem, họ làm sao có thể thành tựu cho được? Chẳng thể thành tựu, vì sao? Xem kinh quá nhiều, khi xem quá nhiều thì vọng niệm quá nhiều, phân biệt, chấp trước quá nhiều, chẳng có cách nào nói chuyện Phật pháp với họ được. Kinh này nói như thế này, kinh kia nói như thế ấy, luôn đem [các kinh ấy] ra để tranh cãi, đầy một bụng Phật pháp, nhưng trong tâm phiền não tầng tầng, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nhiều hơn bất cứ ai. Khi chưa học Phật còn ít, càng học [vọng tưởng, phân biệt, chấp trước] càng nhiều, làm sao có thể thành tựu cho được? Vì thế, ba đại nguyên tắc trong Phật pháp là: “*Giác chứ không mê*”, kẻ ấy là mê chứ chẳng giác. “*Chánh chứ không tà*”, kẻ ấy là tà, chẳng chánh. “*Tịnh chứ chẳng nhiễm*”, kẻ ấy là nhiễm chứ không tịnh. Do đó, sự tu học của người ấy là mê, tà, nhiễm, càng mê càng sâu, càng nhiễm càng sâu, lỗi lầm đặc biệt quá lớn.

Chư vị nhất định phải biết: Phật pháp tu gì? Phật pháp cầu gì? Cầu mình tâm kiến tánh. Người niệm Phật chúng ta cũng nhằm mình tâm kiến tánh, mục tiêu bậc nhất của người niệm Phật là nhất tâm bất loạn. Trong nhất tâm bất loạn, Sự nhất tâm bất loạn là Định, Lý nhất tâm bất loạn là Huệ, là mình tâm kiến tánh. Lý nhất tâm bất loạn hoàn toàn giống như

minh tâm kiến tánh trong nhà Thiên, Giáo Hạ nói là “*đại khai viên giải*”. Chúng ta dùng phương pháp tuyệt diệu, một câu A Di Đà Phật khiến cho cái tâm định, khăng khăng một mực dựa vào một câu A Di Đà Phật, dựa vào một quyển kinh A Di Đà. Hiện thời, chúng tôi đề xướng hai loại chú giải kinh Di Đà, một là Sớ Sao Diễn Nghĩa, loại kia là Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư. Đối với Đại Bản, chúng ta dựa vào kinh Vô Lượng Thọ là đủ rồi. Thật sự có thể tuân thủ trong phạm vi nhỏ nhoi này, quý vị là người bậc thượng trong loài người, là căn tánh thượng thượng, vì sao? Quý vị khăng khăng một lòng. Ở Trung Hoa xưa kia có một vị thiền sư, biệt hiệu là Chân Hiết Liễu, Hiết (歇) là nghỉ ngơi, [Chân Hiết Liễu] là thật sự nghỉ ngơi. Nếu chúng ta có thể dốc trọn một lòng niệm A Di Đà Phật, chúng ta đã thật sự nghỉ ngơi, chẳng có chuyện gì, chính mình cũng chẳng có chuyện gì, thiên hạ thái bình, thật sự nghỉ ngơi, thanh tịnh vô vi. Đó là bí quyết nhập môn, cũng là [bí quyết] nhập môn minh tâm kiến tánh, nhập môn Lý nhất tâm bất loạn. Chẳng có công phu như vậy, chẳng có điều kiện như vậy, sẽ chẳng thể nhập môn.

Đó gọi là “*khẩu ký nhi tham*”, thứ gì cũng chẳng cần hỏi, tự nhiên đạt được nhất tâm bất loạn, tự nhiên minh tâm kiến tánh, tự nhiên cảm ứng đạo giao cùng A Di Đà Phật. Hôm nay đã hết thời gian rồi!